TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05/01/2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO-TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Sang.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Bà Lê Thị Thu Yến.
2- Ông Từ Ngọc Viễn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Yến Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 553/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017, quyết định hoãn phiên tòa số 89/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14/12/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị S, sinh năm 1987 (có mặt).
Địa chỉ: Số 8E/10 Học L, Phường Ba, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.
Chỗ ở hiện nay: Số 480 ấp Một, xã Đạo T, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Châu Minh A, sinh năm 1987 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 8E/10 Học L, Phường Ba, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 07/9/2017 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh Châu Minh A tổ chức đám cưới vào năm 2012 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nhị B, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/3/2012. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Năm 2016 chị có khởi kiện xin ly hôn, sau đó chị rút đơn để có thời gian vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Đến tháng 4/2017 chị thuê nhà trọ ở ấp một, xã Đạo T, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang ở cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Châu Minh A.

Về con chung: Có 01 con chung là Châu Nguyễn Vĩnh K, sinh ngày 07/12/2012, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Châu Minh A, Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định, nhưng anh A không nộp bản tự khai hoặc các văn bản thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu của chị S, đồng thời anh A vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phần trình bày, tranh luận của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị S với anh Châu Minh A là tranh chấp "Ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố MT.

[2] Quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố MT đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Châu Minh A theo đúng quy định, nhưng anh A vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Châu Minh A.

[3] Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị S yêu cầu được ly hôn với anh A, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Châu Nguyễn Vĩnh K, sinh ngày 07/12/2012, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung không có, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét yêu cầu của chị S, Hội đồng xét xử nhận định: Chị S và anh A có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nhị B, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/3/2012. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Năm 2016 chị S có khởi kiện xin ly hôn, sau đó chị rút đơn để có thời gian vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị S và anh A đã ly thân từ tháng 01/2016; Đến tháng 4/2017 chị S thuê nhà trọ ở số 480 ấp Một, xã Đạo T, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang ở cho đến nay. Xét, từ khi anh A và chị S ly thân cho đến nay, anh chị không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, xét mâu thuẫn giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay anh A vắng mặt, không đến dự phiên tòa để trình bày ý kiến của mình và biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, chị S yêu cầu được ly hôn với anh A là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Châu Nguyễn Vĩnh K, sinh ngày 07/12/2012, chị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Xét, cháu K sinh ngày 07/12/2012, mới 5 tuổi còn rất nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Chị S yêu cầu được nuôi con, anh A không có ý kiến của mình về việc nuôi con để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu K cho chị S nuôi dưỡng, quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân và gia

đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị S không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Xét, đây là sự tự nguyện của chị S và phù hợp quy định pháp luật được Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Ý kiến Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa Thẩm phán thực hiện đúng quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng là chưa tuân thủ quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị S, chị S không yêu cầu anh An cấp dưỡng nuôi con đây là tự nguyện của đương sự đề nghị Tòa ghi nhận, về tài sản chung và nợ chung, không có không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Châu Minh A.

2. Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên là Châu Nguyễn Vĩnh K, sinh ngày 07/12/2012.

2.1 Giao con chung Châu Nguyễn Vĩnh K, sinh ngày 07/12/2012 cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K 18 tuổi, lao động được.

2.2 Anh Châu Minh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Châu Minh A được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 32416 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT, nên xem như đã nộp xong án phí.

Chị Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Châu Minh A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Sang

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKS nhân dân TP.MT;
- Chi cục Thi hành án DS TP.MT;
- Các đương sự;
- UBND xã Nhị B, CT, TG;
- Lưu hồ sơ, án văn-s.